

Số: 4064 /KH-UBND

Tây Ninh, ngày 12 tháng 12 năm 2023

## **KẾ HOẠCH**

### **Thực hiện đảm bảo cấp nước an toàn khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, giai đoạn 2024-2028**

Căn cứ Quyết định số 1566/QĐ-TTg ngày 09/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Quốc gia đảm bảo cấp nước an toàn giai đoạn 2016 - 2025;

Căn cứ Chỉ thị số 34/CT-TTg ngày 28/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường công tác quản lý, hoạt động sản xuất, kinh doanh nước sạch, đảm bảo cấp nước an toàn, liên tục;

Căn cứ Thông tư số 23/2022/TT-BNNPTNT ngày 29/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện bảo đảm cấp nước an toàn khu vực nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 244/QĐ-TCTL-NN ngày 06/6/2019 của Tổng cục Thủy lợi ban hành Tài liệu hướng dẫn thực hiện Chương trình Quốc gia bảo đảm cấp nước an toàn khu vực nông thôn;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện đảm bảo cấp nước an toàn khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2024-2028, như sau:

### **I. SỰ CẦN THIẾT**

Nước sạch là một trong những nhu cầu cơ bản trong đời sống hàng ngày của con người, vừa mang tính xã hội sâu sắc vừa gắn liền với cuộc sống của mỗi một cộng đồng dân cư, nhất là ở khu vực nông thôn. Việc duy trì hoạt động bền vững của các công trình cấp nước tập trung nông thôn, đảm bảo hiệu quả, cung cấp nước ổn định, duy trì đủ áp lực, liên tục, đủ lượng nước, chất lượng nước theo quy chuẩn, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và bảo vệ sức khỏe người dân đang là một trong những vấn đề được quan tâm trên địa bàn tỉnh. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư số 23/2022/TT-BNNPTNT ngày 29/12/2022 hướng dẫn thực hiện bảo đảm cấp nước an toàn khu vực nông thôn, Công văn số 1711/BNN-TL ngày 22/3/2023 về việc triển khai đến Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về việc thực hiện Thông tư hướng dẫn thực hiện bảo đảm cấp nước an toàn khu vực nông thôn. Do đó, việc ban hành Kế hoạch thực hiện đảm bảo cấp nước an toàn khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2024-2028 nhằm xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, trách nhiệm, giải pháp thực hiện của các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan nhằm đảm bảo hoạt động sản xuất, kinh doanh nước sạch, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, góp phần đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.



## **II. THỰC TRẠNG CÔNG TRÌNH CẤP NƯỚC TẬP TRUNG NÔNG THÔN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**

Trên địa bàn tỉnh, mạng lưới cấp nước sạch nông thôn có 78 công trình cấp nước, gồm: 77 công trình cấp nước tập trung nông thôn (trong đó: 68 công trình cấp nước tập trung nông thôn có công suất thiết kế  $\geq 100 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ , 9 công trình cấp nước tập trung nông thôn có công suất thiết kế  $\leq 100 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ ) và 01 công trình cấp nước nhỏ lẻ. Về quản lý, vận hành công trình cấp nước: 71 công trình do Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn quản lý; 06 công trình do Ủy ban nhân dân xã quản lý; 01 công trình do hợp tác xã quản lý.

Đến tháng 12/2023, công suất hoạt động trung bình của các công trình cấp nước sạch nông thôn đạt 61,23% công suất thiết kế ( $12.692/20.727 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ ); số hộ dân sử dụng nước từ công trình cấp nước sạch nông thôn đạt 92,20% số hộ thiết kế (24.714 hộ/26.805 hộ).

## **III. MỤC TIÊU**

### **1. Mục tiêu tổng quát**

Thực hiện đảm bảo cấp nước an toàn khu vực nông thôn nhằm quản lý rủi ro và khắc phục sự cố có thể xảy ra từ nguồn nước, cơ sở xử lý nước và hệ thống truyền dẫn, phân phối nước đến khách hàng sử dụng; đảm bảo cung cấp nước liên tục, đảm bảo lưu lượng, áp lực và chất lượng nước theo quy chuẩn, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và bảo vệ sức khỏe con người.

Nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý, vận hành và tăng tỷ lệ bền vững của công trình cấp nước tập trung nông thôn; có giải pháp ứng phó các sự cố bất thường và các nguy cơ, rủi ro xảy ra trong quá trình sản xuất và phân phối; giảm tỷ lệ thất thoát nước, góp phần tiết kiệm tài nguyên nước, bảo vệ môi trường và hướng tới phát triển bền vững.

### **2. Mục tiêu cụ thể**

Đến năm 2025: 100% dân số nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh; tỷ lệ hộ dân nông thôn được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn đạt 72%; tỷ lệ thất thoát nước sạch bình quân là 15%.

Phấn đấu đến năm 2030: 100% dân số nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh; tỷ lệ hộ dân nông thôn được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn đạt 85%; tỷ lệ thất thoát nước sạch bình quân  $\leq 15\%$ .

Giai đoạn 2024-2028: dự kiến 70% công trình cấp nước tập trung nông thôn được lập, phê duyệt và thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn.

## **IV. NỘI DUNG, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

### **1. Nội dung**

Tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt và thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn khu vực nông thôn.

Xây dựng và ban hành Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt theo quy định tại Thông tư số 41/2018/TT-



BYT ngày 14/12/2018 của Bộ Y tế; kiểm tra, giám sát chất lượng nước sinh hoạt khu vực nông thôn theo quy chuẩn quy định.

Bố trí huy động, lồng ghép các nguồn lực, đầu tư cải tạo, sửa chữa công trình cấp nước nhằm cung ứng đầy đủ, liên tục và bảo đảm chất lượng nguồn nước sạch phục vụ nhu cầu sinh hoạt của Nhân dân, nhất là khu vực khó khăn về nguồn nước, vùng sâu, vùng xa.

Quản lý khai thác, sử dụng và bảo vệ nguồn nước: bảo vệ chất lượng nguồn nước đầu vào; xử lý nghiêm các vi phạm về xả thải, gây ô nhiễm nguồn nước, khai thác, sử dụng nguồn nước trái phép.

Tăng cường công tác truyền thông nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ nguồn nước, công trình cấp nước và sử dụng nước sạch tiết kiệm, hiệu quả, nâng cao nhận thức về nước sạch, vệ sinh môi trường nông thôn, trách nhiệm bảo vệ nguồn nước là bảo vệ sức khỏe đến người sử dụng nước.

Ứng dụng, lồng ghép tiến bộ khoa học trong đầu tư xây dựng, nâng cấp sửa chữa công trình cấp nước; trong sản xuất, cung cấp nước sạch nông thôn bảo đảm chất lượng, an toàn, giảm tỷ lệ thất thoát nước và kịp thời ứng phó, xử lý sự cố.

Tổ chức các hội thảo, tập huấn, trao đổi kinh nghiệm cho các cán bộ, người lao động, nâng cao năng lực trong công tác quản lý, vận hành khai thác công trình cấp nước.

## **2. Giải pháp**

### **2.1. Đầu tư xây dựng, nâng cấp sửa chữa công trình cấp nước tập trung nông thôn và phát triển cấp nước**

Đầu tư xây dựng công trình cấp nước tập trung nông thôn có quy mô lớn, liên xã, liên huyện, ưu tiên sử dụng nguồn nước mặt từ hệ thống công trình thủy lợi (hồ chứa, kênh chuyển nước, kênh chính) để xử lý, cấp nước cho sinh hoạt; mở rộng tuyến ống các công trình cấp nước tập trung nông thôn kết nối với hệ thống cấp nước đô thị (khu vực phù hợp) để mở rộng phạm vi cấp nước và bao phủ vùng cung cấp nước, đảm bảo công trình hoạt động hiệu quả, bền vững.

Thực hiện đầu tư mới, nâng cấp, sửa chữa, mở rộng quy mô công trình cấp nước tập trung nông thôn gắn với quản lý, khai thác vận hành theo quy trình, kế hoạch được duyệt, hoạt động hiệu quả, đảm bảo an ninh nguồn nước và thích ứng với biến đổi khí hậu. Trong đó, ưu tiên các giải pháp ứng dụng công nghệ xử lý nước hiện đại; thiết bị thông minh trong công tác quản lý, vận hành công trình cấp nước; giám sát chất lượng nước; xây dựng hệ thống thu thập, kết nối, chia sẻ dữ liệu và điều khiển, giám sát, lưu trữ dữ liệu (in hóa đơn, chứng từ; quản lý rủi ro, xử lý sự cố).

Tuyên truyền, hướng dẫn người dân khu vực nông thôn về thu, trữ và xử lý nước quy mô hộ gia đình; tham gia chính sách hỗ trợ hệ thống xử lý nước sinh hoạt hộ gia đình nông thôn trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, giai đoạn 2023-2025; chương trình tín dụng thực hiện Chiến lược quốc gia về cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn.



## **2.2. Quản lý, sử dụng và bảo vệ tài nguyên nước**

Tăng cường công tác kiểm soát chất lượng nước tại các công trình; kịp thời phát hiện các công trình có nguồn nước ô nhiễm để có giải pháp khắc phục, xử lý phù hợp, đảm bảo chất lượng nước đầu vào và sau xử lý; có phương án tìm kiếm nguồn nước thay thế trong trường hợp xảy ra sự cố ô nhiễm nguồn nước đang khai thác.

Thực hiện cấm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước trên địa bàn tỉnh; xây dựng các phương án bảo vệ, cải tạo chất lượng nguồn nước; quản lý chặt chẽ việc khai thác nước ngầm; kiểm soát, ngăn chặn kịp thời các hoạt động gây hại đến nguồn nước ngầm.

Kiểm soát các nguồn xả thải, hoạt động khai thác nước; xử lý nghiêm các vi phạm về xả thải, gây ô nhiễm nguồn nước, khai thác, sử dụng nguồn nước trái phép.

Nghiên cứu các giải pháp lưu trữ, xử lý nước đối với các khu vực khó khăn, khan hiếm về nguồn nước.

## **2.3. Tổ chức thực hiện và nâng cao năng lực cấp nước an toàn**

Tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt và thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn khu vực nông thôn theo Sổ tay hướng dẫn thực hiện Chương trình Quốc gia đảm bảo cấp nước an toàn khu vực nông thôn do Tổng cục Thủy lợi ban hành tại Quyết định số 244/QĐ-TCTL-NN ngày 06/6/2019 của Tổng cục Thủy lợi - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Thường xuyên tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá việc lập và thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn khu vực nông thôn; hiệu quả công tác cấp nước, tình trạng thất thoát, thất thu nước sạch.

Đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực về quản lý, xây dựng và thực hiện đảm bảo cấp nước an toàn, kiểm soát chất lượng nước; tổ chức các hội nghị hướng dẫn, tập huấn, trao đổi kinh nghiệm thực hiện cấp nước an toàn.

## **2.4. Xây dựng và triển khai thực hiện các quy chuẩn kỹ thuật**

Xây dựng và ban hành Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Tổ chức kiểm tra, giám sát chất lượng nước sinh hoạt khu vực nông thôn theo quy định.

## **2.5. Ứng dụng khoa học công nghệ trong thực hiện cấp nước an toàn**

Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ và thiết bị xử lý nước hiện đại, thân thiện môi trường, tiết kiệm năng lượng và thích ứng với điều kiện biến đổi khí hậu; sử dụng các trang thiết bị, công nghệ hiện đại về kiểm soát chất lượng và khử trùng nước; đầu tư các thiết bị phục vụ công tác giảm thất thoát, duy trì ổn định áp lực và cấp nước liên tục; giám sát chặt chẽ, phát hiện sự cố kịp thời trên toàn hệ thống tránh thất thoát nước.



Ứng dụng công nghệ, thiết bị thông minh trong công tác quản lý, vận hành công trình cấp nước; xây dựng hệ thống thu thập dữ liệu và điều khiển giám sát; lưu trữ dữ liệu, in ấn hóa đơn, chứng từ; quản lý rủi ro, xử lý sự cố.

## **2.6. Truyền thông nâng cao nhận thức cộng đồng**

Tăng cường công tác truyền thông nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ nguồn nước, công trình cấp nước; tuyên truyền, phổ biến kế hoạch cấp nước an toàn khu vực nông thôn đến các đơn vị, tổ chức, cá nhân tham gia, liên quan đến hoạt động cấp nước sinh hoạt, thay đổi hành vi, thói quen trong việc sử dụng nước sạch tiết kiệm, hiệu quả; giảm thiểu và ngăn chặn các rủi ro liên quan đến tài nguyên nước; hướng dẫn người dân chủ động tích trữ nước sinh hoạt an toàn để sử dụng trong mùa khô, đặc biệt là các khu vực khan hiếm, khó khăn về nguồn nước.

Đa dạng hóa các hình thức tổ chức tuyên truyền: trên các phương tiện thông tin đại chúng, cổng thông tin điện tử của tỉnh và các sở, ngành liên quan, hệ thống thông tin cơ sở, mạng xã hội; lồng ghép vào các Chương trình Mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới, Tuần lễ quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường, ngày Môi trường thế giới hàng năm nhằm nâng cao nhận thức về nước sạch, vệ sinh môi trường nông thôn, trách nhiệm bảo vệ nguồn nước là bảo vệ sức khỏe đến người sử dụng nước.

## **V. DANH MỤC CÔNG TRÌNH CẤP NƯỚC TẬP TRUNG NÔNG THÔN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CẤP NƯỚC AN TOÀN KHU VỰC NÔNG THÔN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TÂY NINH GIAI ĐOẠN 2024-2028**

Giai đoạn 2024-2028: có 47 công trình cấp nước tập trung nông thôn được lập, phê duyệt và thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn (*chi tiết Phụ lục kèm theo*). Các công trình cấp nước tập trung nông thôn được đầu tư xây dựng, nâng cấp, sửa chữa sau khi đưa vào sử dụng kể từ năm 2023, đơn vị quản lý phải triển khai lập, phê duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn.

## **VI. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

### **1. Nguồn kinh phí thực hiện**

Kinh phí thực hiện kế hoạch đảm bảo cấp nước an toàn giai đoạn 2024-2028 được tính vào giá thành sản xuất nước sạch theo hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Thông tư số 44/2021/TT-BTC ngày 28/6/2021 quy định về khung giá, nguyên tắc, phương pháp xác định giá nước sạch sinh hoạt; bố trí, lồng ghép các nguồn vốn được giao từ ngân sách trung ương từ các chương trình, dự án có liên quan; vốn ngân sách địa phương và các nguồn vốn hợp pháp khác để đầu tư xây dựng các công trình cấp nước nông thôn theo quy định.

### **2. Giải pháp huy động nguồn vốn**

- Đầu tư xây dựng, nâng cấp, sửa chữa các công trình cấp nước tập trung nông thôn từ nguồn vốn đầu tư công; vốn vay Ngân hàng Thế giới; nguồn vốn từ



các Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Khuyến khích, thu hút, tạo điều kiện cho khối tư nhân tham gia đầu tư xây dựng công trình cấp nước sạch nông thôn theo Quyết định số 05/2017/QĐ-UBND ngày 23/02/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ đầu tư công trình cấp nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, Quyết định số 1351/QĐ-UBND ngày 31/5/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Danh mục công trình cấp nước sạch nông thôn khuyến khích đầu tư và quản lý, khai thác trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

- Đơn vị cấp nước sửa chữa, mở rộng tuyến ống, bảo trì các công trình cấp nước tập trung nông thôn từ chi phí được tính vào giá thành sản xuất nước sạch theo hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Thông tư số 44/2021/TT-BTC.

- Ngân sách tỉnh bố trí kinh phí thực hiện các chính sách: hỗ trợ giá nước sạch sinh hoạt khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh Tây Ninh đến năm 2025; hỗ trợ hệ thống xử lý nước sinh hoạt hộ gia đình nông thôn trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, giai đoạn 2023-2025; chi hoạt động thường xuyên cho bộ máy quản lý của Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn, cập nhật Bộ chỉ số theo dõi – đánh giá nước sạch nông thôn.

## **VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

Phối hợp với đơn vị cấp nước nông thôn trong các công tác: thẩm định kế hoạch cấp nước an toàn cho các hệ thống cấp nước tập trung khu vực nông thôn; nâng cao năng lực quản lý, khai thác và sử dụng công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn trên địa bàn tỉnh; triển khai hướng dẫn thực hiện đảm bảo cấp nước an toàn khu vực nông thôn ban hành theo Quyết định số 244/QĐ- TCTL-NN.

Phối hợp các sở, ngành, cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra, đánh giá việc xây dựng, thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn các công trình cấp nước tập trung nông thôn trên địa bàn tỉnh theo quy định.

Rà soát, đánh giá, tổng hợp kinh phí hỗ trợ giá nước sạch sinh hoạt khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh Tây Ninh đến năm 2025; kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ hệ thống xử lý nước sinh hoạt hộ gia đình nông thôn trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, giai đoạn 2023-2025 gửi Sở Tài chính phối hợp tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí theo quy định.

Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc và phối hợp với các sở, ngành hướng dẫn Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, các đơn vị cấp nước và các cơ quan có liên quan trong việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ được nêu trong Kế hoạch. Định kỳ hàng năm tổng hợp báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

### **2. Sở Xây dựng**

Chỉ đạo các đơn vị cấp nước đô thị thực hiện lồng ghép nội dung đảm bảo cấp nước an toàn cho khu vực nông thôn lân cận khu vực đô thị được cung cấp nước từ



nhà máy nước đô thị trong quá trình xây dựng kế hoạch cấp nước an toàn hoặc rà soát, điều chỉnh kế hoạch cấp nước an toàn đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt cho các hệ thống cấp nước do đơn vị cấp nước đô thị quản lý.

Phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện kiểm tra, giám sát số lượng, chất lượng nước cho khu vực nông thôn lân cận khu vực đô thị được cung cấp nước từ nhà máy nước đô thị khi được yêu cầu.

### **3. Sở Y tế**

Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Tây Ninh theo quy định tại Thông tư số 41/2018-BYT ngày 14/12/2018 của Bộ Y tế.

Phối hợp với các sở, ngành, cơ quan, đơn vị liên quan trong công tác thanh tra, kiểm tra chất lượng nước sau xử lý tại các đơn vị cấp nước.

### **4. Sở Tài nguyên và Môi trường**

Theo dõi, quản lý việc khai thác sử dụng nguồn nước, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước trên địa bàn tỉnh.

Tiếp tục thực hiện Quyết định số 1137/QĐ-UBND ngày 05/6/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt dự án “Xác định cấm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước trên địa bàn tỉnh Tây Ninh”. Đôn đốc, theo dõi, kiểm tra việc cấm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước trên địa bàn tỉnh. Xử lý nghiêm các hành vi gây ô nhiễm nguồn nước và xả thải không đúng theo quy định.

Chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan trong công tác ứng phó, khắc phục ô nhiễm nguồn nước; cấp, gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ, thu hồi giấy phép về tài nguyên nước và cho phép chuyển nhượng quyền khai thác tài nguyên nước theo thẩm quyền; hướng dẫn việc khai thác, sử dụng tài nguyên nước.

### **5. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

Chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện các dự án đầu tư, xây dựng, nâng cấp sửa chữa công trình cấp nước tập trung trên địa bàn tỉnh; lồng ghép kế hoạch cấp nước an toàn và chống thất thoát, thất thu nước sạch nông thôn vào các chương trình, dự án thuộc kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư hàng năm của tỉnh.

### **6. Sở Tài chính**

Chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành giá nước sạch nông thôn; phối hợp bố trí kinh phí hỗ trợ giá nước sạch sinh hoạt khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh Tây Ninh đến năm 2025, kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ hệ thống xử lý nước sinh hoạt hộ gia đình nông thôn trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, giai đoạn 2023-2025.

### **7. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố**

Phối hợp với các sở, ngành và các đơn vị liên quan thực hiện các nội dung, nhiệm vụ tại kế hoạch này.



Phối hợp thực hiện và giám sát kế hoạch cấp nước an toàn đối với các công trình cấp nước tập trung nông thôn trên địa bàn; xây dựng thông tin, dữ liệu về đảm bảo cấp nước an toàn khu vực nông thôn.

Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã: chủ trì hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện thu, xử lý và trữ nước an toàn hộ gia đình gồm: theo dõi, kiểm tra, giám sát chất lượng nước hộ gia đình đảm bảo an toàn; tuyên truyền, phổ biến kiến thức và hướng dẫn hộ gia đình thực hiện thu, xử lý và trữ nước an toàn hộ gia đình; thông báo kịp thời cho các cá nhân, hộ gia đình sử dụng công trình cấp nước hộ gia đình khi nhận được khuyến cáo của cơ quan quản lý nhà nước liên quan đến chất lượng nguồn nước và nước cấp; thống kê danh sách hộ gia đình thực hiện thu, xử lý và trữ nước an toàn hộ gia đình trên địa bàn quản lý.

## **8. Các đơn vị cấp nước**

### **8.1. Đơn vị cấp nước sạch nông thôn (Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn, các xã được giao nhiệm vụ là đơn vị cấp nước)**

Lập, phê duyệt và triển khai thực hiện kế hoạch đảm bảo cấp nước an toàn cho công trình cấp nước sạch nông thôn do đơn vị quản lý; tổ chức giám sát, đánh giá kết quả triển khai thực hiện đảm bảo cấp nước an toàn; bảo vệ an toàn công trình cấp nước thường xuyên kiểm tra chất lượng nước đầu vào, đầu ra và có giải pháp đảm bảo chất lượng nước cấp, công khai kết quả đánh giá chất lượng nước.

Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ hiện đại trong quản lý, vận hành công trình cấp nước, đảm bảo cấp nước liên tục, đủ số lượng và chất lượng phục vụ nhu cầu dùng nước của người dân, tiết kiệm năng lượng và thích ứng với điều kiện biến đổi khí hậu. Xây dựng kế hoạch đào tạo, nâng cao năng lực thực hiện đảm bảo cấp nước an toàn cho cán bộ, viên chức, người lao động trong đơn vị.

Thường xuyên kiểm tra, rà soát và xây dựng kế hoạch cải tạo, sửa chữa các công trình được giao quản lý trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, phê duyệt; đầu tư thực hiện nâng cấp sửa chữa, mở rộng mạng lưới cấp nước, phục vụ nhu cầu dùng nước của người dân.

Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý các hành vi gây ô nhiễm nguồn nước, gây mất an toàn công trình cấp nước do đơn vị quản lý.

Phối hợp với chính quyền địa phương trong công tác kiểm tra, đánh giá nội bộ; tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức của người dân về bảo vệ nguồn nước, công trình cấp nước, sử dụng tiết kiệm và an toàn.

### **8.2. Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tây Ninh**

Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch đảm bảo cấp nước an toàn cho hệ thống cấp nước đô thị đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 459/QĐ-UBND ngày 12/02/2018. Trong quá trình triển khai thực hiện, kịp thời rà soát các khu vực nông thôn lân cận đô thị sử dụng nước từ nhà máy nước đô thị để điều chỉnh Kế hoạch, trong đó có lồng ghép nội dung cấp nước an toàn cho khu vực nông thôn lân cận đô thị sử dụng nước từ nhà máy nước đô thị để đảm



bảo cấp nước an toàn, liên tục, ổn định và đạt quy chuẩn về chất lượng nước sạch cho mục đích sinh hoạt theo quy định.

Định kỳ kiểm tra, tổ chức giám sát, đánh giá kết quả triển khai thực hiện; rà soát và xây dựng kế hoạch cải tạo, nâng cấp sửa chữa, mở rộng mạng lưới cấp nước, phục vụ nhu cầu dùng nước của người dân nông thôn lân cận khu vực đô thị; đồng thời thông tin đến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được biết, phối hợp thực hiện.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện đảm bảo cấp nước an toàn khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2024-2028 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu phát sinh vướng mắc, khó khăn đề nghị đơn vị, địa phương phản ánh về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Bộ NNPTNT;
- Cục Thủy lợi;
- TT Quốc gia NS&VSMTNT;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Các cơ quan, đơn vị liên quan;
- UBND cấp huyện, cấp xã;
- LĐVP, CVK;
- Lưu: VT.VP. UBND tỉnh.

7

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH,



Trần Văn Chiến



## Phụ lục

## DANH MỤC CÔNG TRÌNH CẤP NƯỚC TẬP TRUNG NÔNG THÔN THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CẤP NƯỚC AN TOÀN KHU VỰC NÔNG THÔN CẤP TỈNH GIAI ĐOẠN 2024-2028

(Kèm theo Kế hoạch số 406/KH-UBND ngày 12/11/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

STT	Danh mục công trình	Năm đưa vào sử dụng	Công suất thực tế (m <sup>3</sup> /ng.đ)	Số hộ cấp nước thực tế	Nguồn cấp nước	Phạm vi cấp nước	Đơn vị thực hiện cấp nước an toàn
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(9)
<b>I</b>	<b>HUYỆN TÂN BIÊN (12 CTCNTNT)</b>						
<b>I.1</b>	<b>Xã Hòa Hiệp</b>						
1	CTCNTNT ấp Hòa Đông A	2008	54	364	Nước ngầm	ấp Hòa Đông A	TTNS & VSMTNT
2	CTCNTNT ấp Hòa Bình	2007	37	212	Nước ngầm	ấp Hòa Bình	TTNS & VSMTNT
<b>I.2</b>	<b>Xã Tân Phong</b>						
1	CTCNTNT ấp Mới	2009	190	403	Nước ngầm	ấp Mới, ấp Xóm Tháp	TTNS & VSMTNT
2	CTCNTNT ấp Sân Bay	2003	272	518	Nước ngầm	ấp Sân Bay, ấp Cầu	TTNS & VSMTNT
<b>I.3</b>	<b>Xã Tân Bình</b>						
1	CTCNTNT ấp Tân Nam	2006	33	127	Nước ngầm	ấp Tân Nam	TTNS & VSMTNT
<b>I.4</b>	<b>Xã Mô Công</b>						
1	CTCNTNT ấp Thanh Tân	2009	398	641	Nước ngầm	ấp Thanh Tân	TTNS & VSMTNT
2	CTCNTNT ấp Thanh Hòa	2006	196	271	Nước ngầm	ấp Thanh Hòa, ấp Dinh, ấp 1	TTNS & VSMTNT
<b>I.5</b>	<b>Xã Thạnh Bình</b>						
1	CTCNTNT ấp Thanh Lợi	2007	42	146	Nước ngầm	ấp Thanh Lợi	TTNS & VSMTNT
2	CTCNTNT ấp Thạnh Thọ	2007	29	77	Nước ngầm	ấp Thạnh Thọ	TTNS & VSMTNT
<b>I.6</b>	<b>Xã Trà Vong</b>						
1	CTCNTNT ấp Suối Ông Đình	2005	122	370	Nước ngầm	ấp Suối Ông Đình	TTNS & VSMTNT
2	CTCNTNT ấp 4	2012	133	263	Nước ngầm	ấp 4	TTNS & VSMTNT
<b>I.7</b>	<b>Xã Thạnh Bắc</b>						
1	CTCNTNT ấp Bàu Rã	2006	27	54	Nước ngầm	ấp Bàu Rã	TTNS & VSMTNT
<b>II</b>	<b>HUYỆN TÂN CHÂU (09 CTCNTNT)</b>						
<b>II.1</b>	<b>Xã Tân Hiệp</b>						
1	CTCNTNT ấp Thanh Phú	2009	31	82	Nước ngầm	ấp Thanh Phú	TTNS & VSMTNT
<b>II.2</b>	<b>Xã Tân Đông</b>						
1	CTCNTNT ấp Tâm Phô	2005	160	183	Nước ngầm	ấp Tâm Phô	TTNS & VSMTNT
2	CTCNTNT ấp Kà Ôt	2008	25	181	Nước ngầm	ấp Kà Ôt	TTNS & VSMTNT
3	CTCNTNT ấp Đông Tiến	2007	161	276	Nước ngầm	ấp Đông Tiến	TTNS & VSMTNT
<b>II.3</b>	<b>Xã Tân Thành</b>						
1	CTCNTNT ấp Tân Đông	2007	135	308	Nước ngầm	ấp Tân Đông	TTNS & VSMTNT
2	CTCNTNT ấp Tân Trung	2002	100	95	Nước ngầm	ấp Tân Trung	UBND xã Tân Thành
<b>II.4</b>	<b>Xã Tân Hòa</b>						
1	CTCNTNT ấp Tân Thuận	1997	195	313	Nước ngầm	ấp Tân Thuận, ấp Cây Cây	TTNS & VSMTNT
2	CTCNTNT ấp Con Trăn						
<b>II.5</b>	<b>Xã Suối Dây</b>						
1	CTCNTNT ấp 4	2006	288	530	Nước ngầm	ấp 4	TTNS & VSMTNT
<b>III</b>	<b>HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU (02 CTCNTNT)</b>						
<b>III.1</b>	<b>Xã Lộc Ninh</b>						
1	CTCNTNT ấp Lộc Tân	2002	61	144	Nước ngầm	ấp Lộc Tân	TTNS & VSMTNT
<b>III.2</b>	<b>Xã Chà Là</b>						
1	CTCNTNT ấp Láng	2009	58	160	Nước ngầm	ấp Láng	TTNS & VSMTNT
<b>IV</b>	<b>HUYỆN CHÂU THÀNH (05 CTCNTNT)</b>						
<b>IV.1</b>	<b>Xã Hòa Thạnh</b>						
1	CTCNTNT ấp Hiệp Phước	2007	28	181	Nước ngầm	ấp Hiệp Phước	TTNS & VSMTNT
2	CTCNTNT ấp Hiệp Bình	2001	22	297	Nước ngầm	ấp Hiệp Bình	TTNS & VSMTNT
<b>IV.2</b>	<b>Xã Thái Bình</b>						
1	CTCNTNT ấp Suối Dộp	2008	26	128	Nước ngầm	ấp Suối Dộp, thị trấn Châu Thành	TTNS & VSMTNT
<b>IV.3</b>	<b>Xã Long Vĩnh</b>						
1	CTCNTNT ấp Long Châu	2006	79	158	Nước ngầm	ấp Long Châu, ấp Long Đại	TTNS & VSMTNT
<b>IV.4</b>	<b>Xã Thanh Điền</b>						
1	CTCNTNT ấp Thanh Trung	2003	45	115	Nước ngầm	ấp Thanh Trung, ấp Thanh Hùng, ấp Thanh Sơn	TTNS & VSMTNT
<b>V</b>	<b>THỊ XÃ HÒA THÀNH (01 CTCNTNT)</b>						
<b>V.1</b>	<b>Phường Long Thành Trung</b>						
1	CTCNTNT ấp Long Thới	2005	85	269	Nước ngầm	ấp Long Kim, ấp Long Thới	TTNS & VSMTNT
<b>VI</b>	<b>HUYỆN BẾN CÀU (05 CTCNTNT)</b>						
<b>VI.1</b>	<b>Xã Long Thuận</b>						
1	CTCNTNT ấp Long Phi	2011	289	410	Nước ngầm	ấp Long Phi, ấp Long An	TTNS & VSMTNT
<b>VI.2</b>	<b>Xã Long Giang</b>						
1	CTCNTNT ấp Xóm Khách	2008	51	108	Nước ngầm	ấp Xóm Khách	TTNS & VSMTNT



STT	Danh mục công trình	Năm đưa vào sử dụng	Công suất thực tế (m <sup>3</sup> /ng.đ)	Số hộ cấp nước thực tế	Nguồn cấp nước	Phạm vi cấp nước	Đơn vị thực hiện cấp nước an toàn
<b>VI.3</b>	<b>Xã Tiên Thuận</b>						
1	CTCNTNTT ấp Rừng Dầu (2007)	2007	181	530	Nước ngầm	ấp Tân Lập, ấp Rừng Dầu, ấp Xóm Lò	TTNS & VSMTNT
<b>VI.4</b>	<b>Xã An Thạnh</b>						
1	CTCNTNTT ấp Chánh	2003	150	130	Nước ngầm	ấp Chánh	UBND xã An Thạnh
2	CTCNTNTT ấp Voi	2012	150	90	Nước ngầm	ấp Voi	UBND xã An Thạnh
<b>VII</b>	<b>THỊ XÃ TRẢNG BÀNG (10 CTCNTNTT)</b>						
<b>VII.1</b>	<b>Xã Phước Chi</b>						
1	CTCNTNTT ấp Phước Bình	2003	39	111	Nước ngầm	ấp Phước Bình	TTNS & VSMTNT
2	CTCNTNTT ấp Phước Hòa	2009	154	199	Nước ngầm	ấp Phước Hòa	TTNS & VSMTNT
3	CTCNTNTT ấp Phước Hưng 2	2011	46	353	Nước ngầm	ấp Phước Đông, ấp Phước Dân, ấp Phước Thuận, ấp Phước Hòa, ấp Phước Hưng	TTNS & VSMTNT
4	CTCNTNTT ấp Phước Hưng	2018	234	176	Nước ngầm	ấp Phước Hưng	TTNS & VSMTNT
5	CTCNTNTT ấp Phước Mỹ	2013	66	54	Nước ngầm	ấp Phước Mỹ	TTNS & VSMTNT
<b>VII.2</b>	<b>Xã Phước Bình</b>						
1	CTCNTNTT ấp Bình Hòa 1	2001	218	349	Nước ngầm	ấp Bình Hòa	TTNS & VSMTNT
2	CTCNTNTT ấp Bình Hòa 2	2007	320	582	Nước ngầm	ấp Bình Hòa, ấp Bình Thuận, ấp Bình Phú	TTNS & VSMTNT
3	CTCNTNTT ấp Bình Quới	2005	83	168	Nước ngầm	ấp Bình Quới	TTNS & VSMTNT
4	CTCNTNTT ấp Phước Thành 2	2003	83	191	Nước ngầm	ấp Phước Thành, ấp Phước Lợi	TTNS & VSMTNT
5	CTCNTNTT ấp Phước Thành 1	2006	130	344	Nước ngầm	ấp Phước Tân, ấp Gò Ngãi	TTNS & VSMTNT
<b>VIII</b>	<b>TP TÂY NINH (03 CTCNTNTT)</b>						
<b>VIII.1</b>	<b>Xã: Thạnh Tân</b>						
1	CTCNTNTT ấp Thạnh Trung	2009	80	178	Nước ngầm	ấp Thạnh Trung	TTNS & VSMTNT
2	CTCNTNTT ấp Thạnh Đông	2009	165	297	Nước ngầm	ấp Thạnh Đông	TTNS & VSMTNT
<b>VIII.2</b>	<b>Xã: Tân Bình</b>						
1	CTCNTNTT ấp Tân Trung	2007	121	236	Nước ngầm	ấp Tân Trung	TTNS & VSMTNT

Tổng số công trình cấp nước tập trung nông thôn thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn giai đoạn 2024-2028: 47 công trình, trong đó:

- Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn quản lý: 44 công trình cấp nước tập trung nông thôn.

- Ủy ban nhân dân xã quản lý: 03 công trình cấp nước tập trung nông thôn.